| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 165 /2018/HNGĐ-PT
Ngày: 19/10/2018
*V/v "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
**Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hồng Lam**
Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Kiều Trang**
Bà **Phạm Thị Hoàng Phúc**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Trần Công Hách**- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà **Dương Thị Xuân Cảnh**-Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 131/2018/TLPT- HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2018 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Do bản án HNGĐ sơ thẩm số 44/2018/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Toà án nhân dân quận T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 04/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2018/QĐPT ngày 17/9/2018 giữa:

**Nguyên đơn:** Anh **Lê Thanh T**, sinh năm 1971
HKTT và nơi cư trú: tổ 1, phường P, quận T, TP Hà Nội (Có mặt tại phiên tòa)

**Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm 1979
ĐKHKTT: số 24 T, phường P, quận Đ, TP Hà Nội
Nơi cư trú: số 15 ngách 4 ngõ 126 H, phường K, quận T, TP Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa)

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chị Nguyễn Thị Thanh H:** Ông **Nguyễn Quý Long**- Luật sư Công ty Luật TNHH Thiên Hồng Đức, Đoàn Luật sư TP Hà Nội.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Lê Thanh T và Chị Nguyễn Thị Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 30/7/2002 tại Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Hà Nội. Quá trình chung sống, anh T và chị H hạnh phúc đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống và lối sống không còn hòa hợp. Bản thân anh T và chị H đã tìm cách khắc phục, gia đình nội ngoại hai bên khuyên giải nhưng không đạt kết quả. Theo anh T trình bày mâu thuẫn trầm trọng nhất bắt đầu từ tháng 5/2014 và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

Ngày 07/7/2015 anh T nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị H tại Tòa án nhân dân quận T, Hà Nội.

Ngày 19/10/2015, Tòa án nhân dân quận T thụ lý sơ thẩm vụ án hôn nhân nói trên. Quá trình giải quyết vụ án, chị H không hợp tác đến Tòa án tham gia tố tụng nên Tòa án không tiến hành hòa giải được mặc dù đã thực hiện các thủ tục tống đạt theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh T và chị H có hai người con chung là: Lê Hương L (sinh ngày 11/11/2002) và Lê Tùng A (sinh ngày 01/6/2007). Theo nội dung đơn khởi kiện anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị H đóng góp phí tổn nuôi con chung. Trường hợp tòa án giải quyết để mỗi người nuôi 01 con chung thì anh đề nghị được nuôi dưỡng cháu Lê Tùng A.

Về tài sản chung: do chị H không đến tòa án giải quyết nên anh đề nghị tòa án không xem xét giải quyết về tài sản.

Tại bản án sơ thẩm số 44/2017/HNGĐ-ST ngày 26/12/2017 của Tòa án nhân dân quận T đã quyết định:

*Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;*

*Căn cứ Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;*

*Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mẫu thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng, án phí và lệ phí Tòa án; Điểm 1.1 mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm Nghị quyết.*

*Tuyên xử:*

*1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Anh Lê Thanh T. Anh Lê Thanh T được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh H.*

*2.Về con chung: Giao cháu Lê Tùng A sinh ngày 01/6/2007 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc; giao cháu Lê Hương L sinh ngày 11/11/2002 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Không ai phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có sự thay đổi khác. Anh T và chị H có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai ngăn cản được.*

*3. Về tài sản chung vợ chồng: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.*

*4. Về án phí: Anh Lê Thanh T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006808 ngày 19/10/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Hà Nội.*

Ngoài ra bản án còn có quyết định về quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/01/2018 Chị Nguyễn Thị Thanh H nộp đơn kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm tuyên hủy toàn bộ bản án số 44/2017/HNGĐ-ST ngày 26/12/2017 để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H thay đổi nội dung kháng cáo. Theo đó, chị H nhất trí giải quyết ly hôn với anh T vì xác định mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không còn. Về con chung, theo nguyện vọng mới nhất của các con chung là con lớn Lê Hương L thay đổi nguyện vọng muốn được ở với anh T, con thứ hai Lê Tùng A thay đổi nguyện vọng muốn được ở với mẹ là chị H, nên chị H đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận thay đổi này. Về tài sản chung của vợ chồng, chị H nhất chí tự thỏa thuận với anh T và không yêu cầu Tòa án xét chia khi ly hôn. Anh T nhất trí với

thỏa thuận của chị H về thuận tình ly hôn, trách nhiệm nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chị Nguyễn Thị Thanh H sau khi phân tích các tình tiết chứng cứ đã đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự để ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của anh T và chị H về thuận tình ly hôn, nuôi con chung và không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có quan điểm*:

Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý, thời hạn xét xử và tố tụng tại phiên tòa, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Kháng cáo của chị H là hợp lệ cần chấp nhận để xem xét.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án này, Tòa án nhân dân quận T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền vì tại thời điểm anh T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận T thì các tài liệu chứng cứ như các văn bản xác nhận của công an phường K, tổ trưởng tổ dân phố đều xác định anh T, chị H sinh sống tại số 15 ngách 4 ngõ 126 H, phường K, quận T, TP Hà Nội.

Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, do chị H và anh T thống nhất thỏa thuận được toàn bộ các nội dung của vụ án nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự để ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về thuận tình ly hôn, nuôi con chung và không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản.

Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của chị H được chấp nhận nên chị H không phải chịu án phí phúc thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1].Về Tố tụng**:

Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết: Anh T nộp đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hà Nội. Gửi kèm đơn khởi kiện là văn bản xác nhận nơi cư trú của anh T và chị H. Thời điểm này, công an phường K xác nhận anh T và chị H sinh sống tại số 15 ngách 4 ngõ 126 H, phường K, quận T, TP Hà Nội. Do vậy, Tòa án nhân dân quận T thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Thời điểm thụ lý vụ án là năm 2015 lúc đó Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 ( được sửa đổi bổ sung năm 2011) đang có hiệu lực nên việc Tòa án nhân dân quận T thụ lý là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật này. Sau ngày 01/7/2016 ( Thời điểm Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 có hiệu lực từ 01/7/2016) vụ án chưa được giải quyết xong nên căn cứ khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Tòa án nhân dân quận T căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để tiếp tục giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

**[2].Về quan hệ hôn nhân của anh T và chị H, Hội đồng xét xử nhận thấy:**

Về tình cảm: Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống. Anh T làm đơn yêu cầu ly hôn và xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể khắc phục được. Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập anh T, chị H đến Tòa để hòa giải nhiều lần

nhưng chị H không đến, thể hiện không có thiện chí cải thiện tình cảm vợ chồng. Cấp sơ thẩm xác định mục đích hạnh phúc hôn nhân của anh T, chị H không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T, xử cho anh T được ly hôn chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56; Điều 57; Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Trong đơn kháng cáo của chị H, chị H cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn mà không thể hàn gắn được, điều đó càng thể hiện việc cho anh chị ly hôn để ổn định cuộc sống cho mỗi bên là phù hợp và đúng đắn. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H đã nhất trí giải quyết ly hôn với anh T nên HĐXX ghi nhận thỏa thuận này của chị H đối với yêu cầu ly hôn của anh T.

Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là Lê Hương L (sinh ngày 11/11/2002) và Lê Tùng A (sinh ngày 01/6/2007). Trong bản án sơ thẩm, HĐXX đã giao con chung là Lê Tùng A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu. Đối với cháu Lê Hương L không đến tòa, không thể hiện nguyện vọng ở với ai khi bố mẹ ly hôn, HĐXX đã xác định cháu là con gái, độ tuổi của cháu đang bước vào giai đoạn bắt đầu phát triển cả về tâm sinh lý nên rất cần sự gần gũi, chăm sóc, giáo dục của mẹ nên đã giao cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là đã xem xét quyền lợi về mọi mặt của cháu.

Xét điều kiện hoàn cảnh của anh T và chị H thấy rằng cả hai đều có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Khi ly hôn cả hai anh chị đều xác định có nơi cư trú ổn định vì vậy thấy cả hai đều có đủ điều kiện được trực tiếp nuôi con; Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định giao mỗi người trực tiếp nuôi một con là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nay tại phiên tòa phúc thẩm, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Lê Tùng A, và đề nghị để anh T trực tiếp nuôi con lớn là Lê Hương L. Chị H có nộp bản khai của các con thể hiện con lớn là Lê Hương L có nguyện vọng được ở với bố, và con thứ hai là Lê Tùng A thay đổi nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Đề nghị này của chị H được anh T thống nhất và chấp nhận. Anh T và chị H thỏa thuận để anh T trực tiếp nuôi con lớn là Lê Hương L, chị H trực tiếp nuôi con thứ hai là Lê Tùng A và hai bên sẽ không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho nhau.

Thỏa thuận của anh T, chị H phù hợp với nguyện vọng của các con nên HĐXX chấp nhận sửa bản án sơ thẩm để ghi nhận sự thỏa thuận này.

Về tài sản chung: Do anh T và chị H không yêu cầu tòa án giải quyết nên HĐXX cấp sơ thẩm đã không xem xét giải quyết về tài sản chung của anh chị. Tại cấp phúc thẩm, chị H và anh T cũng không đề nghị xem xét giải quyết về tài sản nên HĐXX cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Như vậy, tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay anh T và chị H thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của anh T và chị H.

**[3]. Về án phí**:

Kháng cáo của chị H được chấp nhận và sửa một phần bản án nên chị H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Nhận định của Hội đồng xét xử phù hợp với quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mẫu thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng, án phí và lệ phí Tòa án; Điểm 1.1 mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm Nghị Quyết.

**xử**: Chấp nhận một phần kháng cáo của chị H; sửa bản án sơ thẩm, ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh T và chị H như sau:

**1.** Anh Lê Thanh T được ly hôn với Chị Nguyễn Thị Thanh H.

**2.** Về con chung: Anh Lê Thanh T trực tiếp nuôi dương con chung là Lê Hương L (sinh ngày 11/11/2002), Chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Tùng A (sinh ngày 01/6/2007), hai bên không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho nhau kể từ khi ly hôn cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác;

Anh Lê Thanh T và Chị Nguyễn Thị Thanh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được cản trở.

**3.** Về tài sản chung: Anh Lê Thanh T và Chị Nguyễn Thị Thanh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

**4.** Về án phí: Anh Lê Thanh T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) án phí ly hôn sơ thẩm; Xác nhận Anh Lê Thanh T đã nộp 200.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006808 ngày 19.10.2015 tại Chi cục thi hành án dân sự quận T, Hà Nội.

Chị Nguyễn Thị Thanh H không phải chịu án phí phúc thẩm và được trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0004534 ngày 08.3.2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận T, Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**
*- VKS nhân dân tp Hà nội;*
*- Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân;*
*- Tòa án nhân dân quận T;*
*-Người tham gia tố tụng;*
*- Lưu hồ sơ vụ án.*

**Nguyễn Hồng Lam**

`